TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121** /2022/HS-PT
Ngày: 27/9/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tuấn G**.
+ *Các thẩm phán*: Bà **Lâm Vương Mỹ L**.
Ông **Trần Anh Khoa**.

+ *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đặng Văn Chiến** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa*: Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2022/TLPT-HS ngày 26/8/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị M + đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2022/HS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án Nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Các bị cáo có kháng cáo***:

1. Nguyễn Thị M - sinh năm 1960 tại Hà Nội; nơi cư trú: đường S, phường K, thành phố L, tỉnh L; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); tiền án, tiền sự: Không; chồng là Nguyễn Quốc O, có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990. Bị cáo bị áp dụng biện pháp "Cấm khỏi đi nơi cư trú", vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thùy L - sinh năm 1990 tại Yên Bái: Nơi cư trú: đường S, phường K, thành phố L, tỉnh L; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Xuân C (chết) và bà Nguyễn Thị D; chồng Nguyễn Quang E, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Công Đ - sinh năm 1970 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: phường T, thành phố N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; con ông Phan Văn F (chết) và bà Nguyễn Thị Kim G; vợ Trương Thị Nhật H, có 03 con, lớn

nhất sinh năm 1995 và nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 862/HSPT ngày 18/10/2004 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", 09 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", 04 năm tù về tội "Hiếp dâm". Tổng hợp hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2007, đóng án phí ngày 23/10/2007 và bồi thường thiệt hại cho bị hại ngày 05/6/2006. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2020, đến ngày 06/11/2020 được thay thế bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

***** ***Người bào chữa cho các bị cáo***: Luật sư **Nguyễn Thị Đ** - Văn phòng luật sư ĐS, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L theo yêu cầu của các bị cáo. Luật sư Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian sinh sống tại thành phố L, chị Phạm Thị Quỳnh R có nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000đ. Sau đó, chị R cùng các con vào thành phố N, tỉnh Khánh Hòa sinh sống. Thông qua mạng xã hội, bà M và con dâu là Nguyễn Thùy L biết được chị R đang sinh sống tại Chung cư 2, đường C, phường O, thành phố N nên cả hai tìm đến để đòi nợ. Ngày 03/3/2020, Nguyễn Thùy L gọi điện thoại hẹn gặp Phan Thanh L để nhờ giúp đòi nợ cho bà M.

Khoảng 8 giờ 00 phút, ngày 04/3/2020, Phan Thanh L cùng với Phan Ngọc K, Nguyễn Văn S và Nguyễn Hoàng E đi xe ô tô 7 chỗ hiệu Fortuner (không rõ biển kiểm soát) đến gặp Phan Công Đ tại Khu đô thị II, phường H, thành phố N rủ đi chơi thì Đ đồng ý. Lúc này Nguyễn Thùy L gọi điện thoại nhờ L đi đòi nợ, L đồng ý. Cùng thời điểm đó, có Trần Kim G đến lấy xe máy của Đ đi sửa (do Đ hẹn G trước), thấy vậy nên L rủ G đi cùng, G đồng ý. Sau đó, E lái xe ô tô 7 chỗ hiệu Fortuner (không rõ biển kiểm soát) chở Phan Thanh L, Phan Ngọc K, Nguyễn Văn S, Trần Kim G và Phan Công Đ đến điểm hẹn là quán cà phê X2 trên đường U, phường A, thành phố N để đón Nguyễn Thị M và Nguyễn Thùy L, sau đó tất cả cùng đi tìm R để đòi nợ.

Khi đến chung cư 2, cả nhóm vào quán cà phê U trước chung cư 2, đường C, phường O, thành phố N cùng uống nước và bàn bạc. Tại đây, M và L nhờ nhóm L đòi nợ chị R số tiền 200.000.000đ. M và L thỏa thuận với L nếu đòi được tiền của chị R thì sẽ chia theo tỷ lệ 4/6 cho L, L đồng ý và thỏa thuận nếu L đòi được nợ cho L thì sẽ chia theo tỷ lệ như trên, còn nếu không đòi được nợ thì L sẽ bồi dưỡng cho nhóm của L.

Sau đó, L và K đi vào Chung cư 2 tìm căn hộ của chị R thì xác định chị R đang sống ở phòng 0304, L cùng M, L đi lên gõ cửa nhưng chị R không mở nên L, M, L đi xuống còn S và K đứng canh chừng chị R ở trước chung cư. Đến khoảng 12 giờ 00 phút trưa cùng ngày, khi nhóm L vừa đi ăn cơm về thì K gọi điện thoại báo mẹ con chị R đang đi xuống cửa hàng tạp hóa trước chung cư để mua đồ. Lúc này, cả nhóm thấy chị R và cháu Q nên L tiến lại gần hỏi: "*Có phải*

R không?", chị R trả lời: "*Phải*" thì L yêu cầu lên căn hộ của chị R để nói chuyện nhưng chị R không đồng ý, lúc này M đi đến hỏi R: "*Mày nhớ tao không?*", R nói "*Nhớ*" thì nhóm L cùng với M, L tiếp tục yêu cầu R lên căn hộ để giải quyết nợ nần nhưng chị R không đồng ý nên giữa hai bên cãi nhau to tiếng. Chị R lấy điện thoại di động để gọi báo Công an thì L dùng tay giật nhưng bị chị R cắn vào ngón tay nên không giật được. Chị R bỏ chạy ra ngoài thì E dùng tay đẩy lùi lại. Đ đứng nói chị R lên phòng nói chuyện nhưng chị R không đồng ý nên cả hai cãi vã thì Đ, S và L dùng tay, chân đánh chị R, còn G thì chửi chị R.

Đến khoảng 12 giờ 34 phút cùng ngày, chị R đi vào khu vực thang máy của chung cư thì L nói nhóm L lấy điện thoại di động của chị R nên K đè chị R nằm ngửa xuống sàn nhà, còn S giữ 2 tay của chị R để K lấy điện thoại di động hiệu Iphone XS max đưa cho L, sau đó L đưa cho L cất giữ rồi cả nhóm tiếp tục buộc chị R lên căn hộ chung cư để nói chuyện nợ tiền, chị R không đồng ý nên cả nhóm L đóng cửa ra vào chung cư, lúc này Đ và G ra xe ô tô nằm chờ, cảnh giới.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của L cùng M, L dùng vũ lực ép được chị R lên căn hộ 0304. Tại đây, cả nhóm khống chế chị R ở phòng khách để ép chị R phải trả nợ. M nói L lục tìm điện thoại di động của chị R để đem về nên L vào phòng ngủ lấy được: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, 01 điện thoại Oppo Find X, 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air và các giấy tờ cá nhân của chị R gồm: 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy bảo hiểm xe máy và 01 giấy đăng ký xe máy. Khi L đang cầm điện thoại di động Samsung S10 plus thì chị R giằng co đòi lại nhưng bị S xông đến đẩy chị R ngã xuống ghế và đe dọa đánh. Sau khi lấy tài sản cả nhóm tiếp tục đe dọa, bắt ép chị R viết hai tờ giấy xác nhận nợ gồm: Một giấy thể hiện chị R nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000đ, một giấy thể hiện chị R nợ bà Bạch Ánh Ă số tiền 100.000.000đ.

Chị R nói không có tiền để trả nợ nên L tiếp tục đe dọa: "Muốn làm ăn ở đây thì viết giấy hẹn ngày 10 hàng tháng phải trả nợ cho người ta, còn mày ngoan cố thì tao cho ngoan cố", L còn dọa "kê biên" tài sản gồm tivi, tủ lạnh trong căn hộ của chị R để đưa đi, và giả vờ điện thoại gọi xe bán tải lên chở đồ về. Lúc này, M nói cho L biết chị R còn có một xe máy hiệu Honda Airblade, L hỏi: "*Xe để đâu?*" thì R nói xe để dưới hầm chung cư nên nhóm M và L cùng đe dọa, uy hiếp buộc chị R phải viết giấy sang nhượng xe máy với nội dung R bán xe máy hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 24B2 - 105.89 cho M với giá 30.000.000đ. Sau khi chị R viết xong ba tờ giấy, K nói: "*Li sáng không chịu lên, để bị ăn đòn mới lên thấy mày ngu không*". Sau đó, L và E xuống tầng hầm chung cư lấy xe máy hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 24B2 - 105.89 nhưng bảo vệ không đồng ý. Lúc này, L điện thoại nói L dẫn chị R cầm giấy tờ xe xuống, chị R không đồng ý nên L dẫn cháu Phạm Quỳnh Thu Ngân (con của chị R) xuống xác nhận với bảo vệ chung cư để E lấy xe ra ngoài. Khi cả nhóm chuẩn bị ra về thì cháu Ngân chạy theo L xin lại điện thoại di động hiệu Oppo Find X của mình, thấy vậy nên Đ nói L trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo

Find X cho cháu Ngân, còn lại L cầm trên tay 03 điện thoại và nói cho cả nhóm biết mình đã lấy được tài sản của R.

Trước khi ra về, L nói L vào gặp bảo vệ chung cư xin xóa đoạn camera ghi hình trong sảnh thang máy để khỏi bị phát hiện nhưng bảo vệ chung cư không đồng ý nên L đi về. K điều khiển xe máy hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 24B2 - 105.89 vừa chiếm đoạt được chở L về khách sạn 2 trên đường U, phường A, thành phố N để gửi nhờ, còn cả nhóm đi xe ô tô hiệu Fortuner theo sau. Tại khách sạn 2, L chi trả cho L 10.000.000đ tiền công, L chia cho Đ 2.000.000đ, còn L, K, G, E, S mỗi người được chia 1.500.000đ và còn lại 500.000đ đổ xăng xe. Sáng hôm sau ngày 05/3/2020, M viết giấy ủy quyền để L thay mặt M lấy tiền R còn nợ mỗi tháng là 10.000.000đ, sau đó M, L, L và K cùng đi đến Chung cư 2 nhưng không chị R gặp nên tất cả ra về. Khi M và L về đến thành phố L thì L gọi điện thoại cho L xin thêm tiền công, L đồng ý. Ngày 07/3/2020, L chuyển khoản cho L 5.000.000đ, đến ngày 09/3/2020, L nhờ chị Chu Thị Quỳnh J chuyển khoản cho vợ của K là Nguyễn Thùy Â 5.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, K nói vợ rút và đưa hết cho L, L đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 05/3/2020 của Bệnh viện C xác định: Thời điểm xảy ra vụ án, chị Phạm Thị Quỳnh R đang mang thai 21 tuần. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 128/TgT ngày 29/4/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Phạm Thị Quỳnh R là **0%**.

Kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐGTS ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã kết luận: Điện thoại di động Iphone XS Max- 256G trị giá: 21.945.000đ; điện thoại di động Sam Sung Galaxy S10 plus - 128 trị giá 16.991.500đ; điện thoại di động Oppo F9 - 64 G trị giá 2.300.000đ; điện thoại di động Oppo A7 - 64 G trị giá 2.100.0000đ; Máy tính bảng Ipad Air 1 - 16 G trị giá 3.700.000đ; xe máy Honda Airblade biển kiểm soát 24B2 - 105.89 trị giá 26.200.000đ. Kết luận định giá tài sản số 17/KL - HĐĐGTS ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã kết luận: Điện thoại di động Oppo Find X trị giá 5.200.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2022/HS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị M 08, Nguyễn Thùy L 08, Phan Công Đ 07 năm 06 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*". Ngoài ra bản án còn quyết định về bồi thường dân sự, vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Vào các ngày 09 và 15/6/2022, lần lượt các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Phan Thanh L, Nguyễn Văn S, Phan Ngọc K, Trần Kim G và Nguyễn Hoàng E, tuy nhiên các bị cáo trên không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận định:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của bị hại trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự ngang nhiên xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm. Xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là đã tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thị Đ tranh luận: Không tranh về tội danh của các bị cáo. Sau khi phạm tội, các bị cáo M và L đã luôn thành khẩn khai báo; ăn năn hối hận về việc làm của bản thân; cho đến nay đã bồi thường khắc phục toàn bộ cho bị hại theo như bản sơ thẩm đã xét xử; hiện tại bị cáo M đang mắc nhiều bệnh phải điều trị, bị cáo L có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương các loại. Bên cạnh đó, ý định ban đầu của bà M và L chỉ là đi đòi nợ, tuy nhiên do kiến thức pháp luật hạn chế nên mới vi phạm pháp luật. Do vậy, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là quá nghiêm khắc, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội trở về hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **<u>Về thủ tục tố tụng</u>**: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong hạn luật định nên hợp lệ để xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị M vắng mặt vì lý do đang điều trị bệnh và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt của bị cáo M không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290, Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] **<u>Về nội dung</u>**:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2022/HS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ đều về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm đ, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] **<u>Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo</u>**:

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với các bị cáo M và L: Sau khi phạm tội, các bị cáo M, L đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo; ăn năn hối lỗi; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo M và L đã chủ động nộp thêm toàn bộ số tiền bồi thường cho bị hại theo như Bản án sơ thẩm đã tuyên, hành vi này của các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối lỗi và mong muốn sửa chữa, khắc phục sai lầm của các bị cáo. Xét đây là tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm nên cần áp dụng cho các bị cáo M và L. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân xuất phát hành vi phạm tội của các bị cáo là từ việc các bị cáo tìm gặp bị hại để đòi nợ và đây là khoản nợ có thật, tuy nhiên do thiếu hiểu biết pháp luật nên hành vi của các bị cáo M, L đã trở thành hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, hiện nay bị cáo M đang có bệnh và phải điều trị, hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình bị cáo L có công với cách mạng, hiện đang thờ cúng các liệt sĩ Nguyễn Văn B, Nguyễn Quốc K và Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị C, có ông ngoại là Nguyễn Văn H có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý (*có xác nhận của chính quyền địa phương*). Đối với bị cáo Đ: Xét thấy hành vi của bị cáo trong vụ án này có phần hạn chế hơn so với các bị cáo khác, mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc và mục đích ban đầu cũng chỉ là đòi nợ giúp cho M và L. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ**.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 07 (*bảy*) **năm tù về tội "*Cướp tài sản*".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy L 07 (*bảy*) **năm tù về tội "*Cướp tài sản*".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phan Công Đ 07 (*bảy*) **năm tù về tội "*Cướp tài sản*".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước đó từ ngày 13/3/2020 đến ngày 06/11/2020.

3. Các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thùy L, Phan Công Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ giám đốc I;
- TAND TP. Nha Trang;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Công an TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Án văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn G